THÀNH ỦY THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
*
Số 1263-QĐ/TU

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 7 năm 2026

QUY ĐỊNH
về chế độ tự kiểm tra, giám sát để phòng ngừa, ngăn chặn vi phạm của tổ chức đảng, đảng viên

---

- Căn cứ Điều lệ Đảng;

- Căn cứ Kết luận số 21-KL/TW, ngày 25 tháng 10 năm 2021 Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa";

- Căn cứ Quy định số 285-QĐ/TW, ngày 22 tháng 4 năm 2025 của Ban Bí thư về phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn vi phạm của tổ chức đảng và đảng viên;

- Căn cứ Nghị quyết số 05-NQ/TW, ngày 07 tháng 4 năm 2026 Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về đổi mới, nâng cao hiệu lực công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật đảng;

- Căn cứ Quy định số 21-QĐ/TW, ngày 11 tháng 4 năm 2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng;

- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030;

- Căn cứ Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng;

- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố, Ban Thường vụ Thành ủy, Thường trực Thành ủy khóa I, nhiệm kỳ 2025 - 2030.

Ban Thường vụ Thành ủy ban hành Quy định về chế độ tự kiểm tra, giám sát để phòng ngừa, ngăn chặn vi phạm của tổ chức đảng, đảng viên như sau:

Chương I
NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Quy định này quy định về chế độ tự kiểm tra, giám sát của tổ chức đảng và đảng viên là người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng thuộc Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Đối tượng thực hiện

Tổ chức đảng: Các cấp ủy, tổ chức đảng từ cấp cơ sở trở lên thuộc Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh.

Đảng viên: Người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng *(Trường hợp người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng không đồng thời là thủ trưởng cơ quan, đơn vị thì thủ trưởng cơ quan, đơn vị thực hiện báo cáo).*

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện

Đảm bảo thực hiện đúng quy định của Điều lệ Đảng và các quy định của Trung ương, Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng.

Việc lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện phải thường xuyên, phù hợp với tình hình của cơ quan, đơn vị, đảm bảo chất lượng, hiệu quả; chuyển trọng tâm sang công tác phòng ngừa và cảnh báo vi phạm; chủ động nắm chắc tình hình, gắn công tác kiểm tra, giám sát với kiểm soát quyền lực, phát hiện sớm nguy cơ vi phạm, xử lý kịp thời, nghiêm minh; không bao che, né tránh, nể nang trong tự kiểm tra, giám sát. Kết quả tự kiểm tra, giám sát phải được báo cáo bằng văn bản tại hội nghị ban thường vụ cấp ủy và hội nghị cấp ủy. Báo cáo tự kiểm tra, giám sát phải nêu rõ những việc làm được, những việc chưa làm được, vi phạm (nếu có), nguyên nhân khách quan, nguyên nhân chủ quan và trách nhiệm của tập thể, cá nhân, đề xuất khắc phục.

Qua việc thực hiện công tác tự kiểm tra, giám sát, nếu phát hiện tổ chức đảng, đảng viên có vi phạm thì cấp ủy, tổ chức đảng, người đứng đầu cấp ủy có thẩm quyền phải chỉ đạo xem xét, xử lý nghiêm theo quy định.

Chương II
NỘI DUNG, CHẾ ĐỘ TỰ KIỂM TRA, GIÁM SÁT

Điều 4. Nội dung tự kiểm tra, giám sát

1. Đối với cấp ủy, tổ chức đảng

Việc lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện:

- Nghị quyết, chương trình hành động, kế hoạch của cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy; việc thực hiện quy chế làm việc, chế độ công tác, các nguyên tắc tổ chức hoạt động của Đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình, giữ gìn đoàn kết nội bộ, việc thực hiện công tác cán bộ.

- Nhiệm vụ chính trị của địa phương, đơn vị. Trong đó, cần tập trung các quy định của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, các lĩnh vực nhạy cảm, dễ phát sinh tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, vi phạm; những vụ việc chậm giải quyết, kéo dài, gây bức xúc trong Nhân dân; những dự án, chương trình, công trình trọng điểm, cấp bách hoặc có vướng mắc, tồn đọng,

Tập trung kiểm tra, giám sát toàn diện việc thực hiện các nghị quyết, chủ trương của Trung ương, Thành ủy về đảm bảo tăng trưởng kinh tế 02 con số; đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, cải cách hành chính; việc lãnh đạo, chỉ đạo bố trí, sắp xếp cán bộ, tổ chức bộ máy tinh gọn gắn với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; việc giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền; việc giải quyết thông tin phản ánh liên quan các tập thể, cá nhân suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, vi phạm quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

- Nội dung kiểm tra, giám sát của cấp ủy, tổ chức đảng cấp trên.

- Việc khắc phục các hạn chế, khuyết điểm, vi phạm theo các kết luận kiểm tra, thanh tra, giám sát, kiểm toán...

2. Đối với đảng viên là người đứng đầu

Trách nhiệm cá nhân trong việc lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện đối với nội dung tự kiểm tra, giám sát của cấp ủy, tổ chức đảng.

Việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao; việc tu dưỡng, rèn luyện phẩm chất đạo đức, lối sống; trách nhiệm nêu gương; việc giữ gìn đoàn kết nội bộ; bản lĩnh chính trị của cá nhân.

Điều 5. Chế độ tự kiểm tra, giám sát

1. Đối với cấp ủy, tổ chức đảng

Hàng năm, đưa vào chương trình công tác và thực hiện chế độ tự kiểm tra, giám sát; chỉ đạo cấp ủy, tổ chức đảng cấp dưới thực hiện và báo cáo kết quả về cấp ủy cấp trên.

2. Đối với đảng viên là người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị

Thường xuyên thực hiện việc tự kiểm tra, giám sát, đánh giá ưu điểm, khuyết điểm nội dung tự kiểm tra, giám sát của cơ quan, đơn vị; việc tu dưỡng, rèn luyện phẩm chất đạo đức, lối sống, bản lĩnh chính trị của cá nhân.

Thực hiện chế độ tự phê bình và phê bình ở chi bộ, cấp ủy, tổ chức đảng mà người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng là thành viên.

Báo cáo kết quả tự kiểm tra, giám sát tại hội nghị của cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy và cấp ủy cấp trên.

Chương III
CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 6. Chế độ báo cáo

1. Các cơ quan tham mưu, giúp việc Thành ủy và các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị có liên quan báo cáo Ban Thường vụ Thành ủy kết quả tự kiểm tra,

giám sát định kỳ 6 tháng, hàng năm *(đối với báo cáo 6 tháng gửi trước ngày 15 tháng 5 và báo cáo năm gửi trước ngày 15 tháng 11 hàng năm thông qua Ủy ban Kiểm tra Thành ủy).*

2. Các cấp ủy trực thuộc Thành ủy và đảng viên là người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng của các cơ quan, đơn vị cấp Thành phố có trách nhiệm thực hiện chế độ tự kiểm tra, giám sát; định kỳ 6 tháng, hàng năm gửi báo cáo kết quả về Ban Thường vụ Thành ủy *(đối với báo cáo 6 tháng gửi trước ngày 15 tháng 5 và báo cáo năm gửi trước ngày 15 tháng 11 hàng năm thông qua Ủy ban Kiểm tra Thành ủy).*

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Căn cứ Quy định này, các cấp ủy trực thuộc Thành ủy; người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng của các cơ quan, đơn vị tập trung lãnh đạo, chỉ đạo quán triệt, triển khai và tổ chức thực hiện đảm bảo chặt chẽ, hiệu quả, phù hợp tình hình địa phương, đơn vị.

2. Giao Ủy ban Kiểm tra Thành ủy tham mưu Ban Thường vụ Thành ủy kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy định này; 6 tháng, năm, báo cáo kết quả cho Ban Thường vụ Thành ủy.

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan tham mưu, giúp việc Thành ủy, các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu báo cáo tự kiểm tra, giám sát của Ban Thường vụ Thành ủy tại Hội nghị Ban Thường vụ Thành ủy và Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố định kỳ theo quy định.

3. Giao Văn phòng Thành ủy tham mưu Ban Thường vụ Thành ủy đưa nội dung tự kiểm tra, giám sát của Ban Thường vụ Thành ủy vào chương trình công tác 06 tháng và hàng năm.

Quy định này có hiệu lực từ ngày ký, thay thế Quy định số 1793-QĐ/TU, ngày 01 tháng 02 năm 2024 của Ban Thường vụ Thành ủy về chế độ tự kiểm tra, giám sát để phòng ngừa, ngăn chặn vi phạm của tổ chức đảng, đảng viên.

Quy định này phổ biến đến chi bộ.

T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC

Lê Quốc Phong

Nơi nhận:
- Ban Bí thư *(để báo cáo);*
- Ủy ban Kiểm tra Trung ương *(để báo cáo);*
- Vụ Địa bàn VII, Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương;
- Các đồng chí Thành ủy viên;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Thành ủy;
- Các cấp ủy trực thuộc Thành ủy;
- Cấp ủy, lãnh đạo của các cơ quan, đơn vị cấp Thành phố;
- Lưu Văn phòng Thành ủy.

(P.TH/Bảo).